

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày 28/3/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng và ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS, ngày 03/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 15/3/2023, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Hàm (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Hý; có vợ: Nguyễn Thị Thời; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt).

2. **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Lý và con bà Hoàng Thị Thà; có vợ Nguyễn Thị Phượng; có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

3. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Dốc (đã chết)

và con bà Đỗ Thị Mần (đã chết); có vợ Hà Thị Tươi; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

4. **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân Đào (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Vịnh; có vợ Nguyễn Thị Thu Hà; có 03 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

5. **Nguyễn Phú H**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Phú Thanh (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Hán; có vợ Nguyễn Thị Vinh; có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

6. **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc Hương (đã chết) và con bà Đào Thị Nhâm; có vợ: Nguyễn Thị Vân; có 03 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

7. **Nguyễn Văn Sức**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến Phúc và con bà Nguyễn Thị Khánh; có vợ: Nguyễn Thị Bính; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 16/12/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 13/12/2022, tại phòng khách tầng 02 nhà Nguyễn Văn C ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B. Công an huyện T bắt quả tang 06 đối tượng đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền bằng hình thức đánh ba cây gồm Nguyễn Văn C, Nguyễn

Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C và Nguyễn Văn Súc. Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bào; 01 chiếc chiếu cói; 46.700.000 đồng tại chiếu bạc; các đối tượng đánh bạc tự giác giao nộp số tiền trên người là 1.300.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận:

Khoảng 21 giờ ngày 13/12/2022, sau khi ăn cỗ cưới tại thôn L, xã N, huyện T, B. Nguyễn Văn C rủ Nguyễn Xuân K, Nguyễn Phú H, Nguyễn Văn T về nhà ở của C tại thôn L, N để uống nước. Khi đang uống nước cả bốn người rủ nhau đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền, sau đó K tự đi mua bài tú lơ khơ 52 quân bài, có mặt sau in hình hoa văn nhiều màu sắc, bỏ từ quân 10 đến K còn lại 36 quân bài từ A tới 9 để đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền. Khi chơi cả bốn người ngồi vòng tròn quanh chiếu cói để chia 4 cửa, mỗi cửa 3 quân bài cộng lại, nếu ai nhiều điểm nhất được cầm chương để chia bài, sau mỗi ván nếu ai được 10 điểm thì sẽ được cầm chương để chia bài thay người cầm chương ván trước, đồng thời quy ước: tổng 3 quân bài cộng điểm lại, cao nhất là 10 điểm và 20 điểm, nếu trên 10 điểm thì bỏ hàng chục lấy hàng đơn vị làm điểm, thấp nhất là 01 điểm, nếu bằng điểm thì so chất từ cao xuống thấp là rô, cơ, tép, bích. Tỷ lệ đặt cược là 1:1, cược thấp nhất là 50.000 đồng còn lại theo thỏa thuận với người cầm chương, ngoài ra mỗi ván chơi từng người chơi đặt 50.000 đồng vào giữa chiếu để chơi gà, cộng dồn qua các ván đến khi có người được 10 điểm sẽ được ăn gà. Khi những người kể trên đang chơi bài thì Nguyễn Đức C vào xin chơi cùng. Quá trình chơi Nguyễn Xuân K bị thua hết tiền đi về trước, K ra đến cửa thì gặp Nguyễn Hoàng H đi cùng Nguyễn Văn Súc đến. H xin chơi cùng thì mọi người đồng ý. Quá trình H chơi Súc ngồi sát bên cạnh thỉnh thoảng lên bài, cộng điểm và thu, chi tiền cho H. Sau khi H vào chơi được một thời gian thì Nguyễn Đức C thua hết tiền đứng dậy không chơi nữa nhưng vẫn tiếp tục ở lại xem mọi người đánh bài. Khoảng 23 giờ cùng ngày các đối tượng bị lực lượng Công an huyện T phối hợp Công an xã N phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Do trước khi đánh bạc các bị cáo đều đã sử dụng rượu và không kiểm đếm tiền trước khi đánh bạc nên một số bị cáo không nhớ chính xác số tiền mang theo chỉ ước chừng và trình bày như sau:

Khi tham gia đánh bạc C có khoảng 4000.000 đồng. C sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Quá trình đánh bạc C T số tiền 1.700.000 đồng, đến khi bị bắt quả tang thì C có 5.700.000 đồng ở trước mặt và bị thu giữ.

Khi tham gia đánh bạc H có khoảng 41.100.000 đồng, H sử dụng 40.000.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 1.100.000 đồng H cất riêng tại túi áo để đóng học phí cho con không sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc H thua 4.000.000 đồng, khi bị lực lượng Công an bắt quả tang H còn 36.000.000 đồng, do sợ hãi H đã đẩy số tiền 34.000.000 đồng ở trước mặt sang trước mặt Súc ngồi, trước mặt H còn lại

2.000.000 đồng đã bị thu giữ. Ngoài ra H cũng tự giác giao nộp số tiền 1.100.000 đồng trong túi áo để phục vụ điều tra.

Khi tham gia đánh bạc T có khoảng 2.000.000 đồng. T sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T không T không thua. Khi bị bắt trước mặt T vẫn còn số tiền 2.000.000 đồng đã bị thu giữ.

Khi tham gia đánh bạc C có khoảng 4.700.000 đồng. C sử dụng 4.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, C thua hết số tiền trên nên đã nghỉ chơi, khi lực lượng Công an bắt quả tang C đang ngồi uống nước. Toàn bộ số tiền đánh bạc do C thua nên ở chiếu bạc và đã bị thu giữ, còn số tiền 200.000 đồng ở túi quần phía sau bên phải C không sử dụng để đánh bạc nhưng đã tự giác giao nộp cho cơ quan Công an để phục vụ điều tra.

Khi tham gia đánh bạc H mang theo số tiền 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H không T, không thua. Khi bị bắt H bị thu giữ 1.000.000 đồng trên chiếu bạc ở trước mặt.

Khi tham gia đánh bạc Sứ không mang theo tiền. Ban đầu Sứ ngồi cạnh H mục đích xem H đánh bạc. Khi H đứng dậy hút thuốc, Sứ đã giúp sức cho H tiếp tục đánh bạc, sau khi H hút thuốc xong trở lại vị trí đánh bạc thì Sứ vẫn ngồi cạnh giúp sức, lên bài, tính điểm, nhận tiền, trả tiền đánh bạc giúp H. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang, H đã đẩy tiền đánh bạc sang trước mặt H, lực lượng công an kiểm đếm và thu giữ tại chiếu bạc, trước mặt Sứ số tiền 34.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo K khai nhận: Khi đang ngồi uống nước tại nhà C thì mọi người rủ nhau đánh bạc, K đi mua bộ tú lơ khơ và chè để mọi người pha nước uống. Trước khi đánh bạc, K mang theo 500.000 đồng, K sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, K đã thua hết số tiền mang theo, nghỉ chơi và về trước. Đến sáng ngày 14/12/2022, khi biết được các bị cáo khác đã bị bắt nên K tự giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi mình đã thực hiện.

Tuy đối chiếu số tiền các bị cáo khai mang theo và số tiền thực tế thu giữ trong quá trình bắt quả tang chưa trùng khớp nhưng do trước khi đánh bạc các bị cáo sử dụng rượu, các bị cáo không kiểm đếm tiền của mình trước khi đánh bạc; một số bị cáo không nhớ rõ số tiền mình mang theo chỉ ước chừng nên để xác định tổng số tiền 07 bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc cần xác định là số tiền thực tế đã thu giữ, đủ căn cứ xác định các bị cáo đã sử dụng vào mục đích đánh bạc là 46.700.000 đồng thu trước mặt các bị cáo, cụ thể: Của bị cáo C 5.700.000 đồng, H 1.000.000 đồng, Sứ 34.000.000 đồng, H 2.000.000 đồng, T 2.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền gà ở giữa chiếu.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKSTT ngày 28/02/2023 của VKSND huyện T đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn

Phụ H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sức phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phụ H, Nguyễn Đức C Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sức phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Hoàng H mỗi bị cáo từ 25 đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 56 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phụ H, Nguyễn Đức C Nguyễn Xuân K mỗi bị cáo từ 25 đến 30 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Sức từ 20 đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, có mặt sau in hình hoa văn nhiều màu sắc. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 46.700.000 đồng. Trả lại bị cáo H 1.100.000 đồng và bị cáo C 200.000 đồng; nhưng tạm giữ số tài sản đã tuyên trả cho bị cáo H và C để đảm bảo thi hành án

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sức đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 23 giờ ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại phòng khách tầng 02 nhà Nguyễn Văn C ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B, 07 bị cáo gồm Nguyễn Văn C; Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sức đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền trái phép bằng hình thức đánh ba cây. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc trái phép là 46.700.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng). Xét hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Xét về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C cùng tham gia đánh bạc với 06 bị cáo khác tại nhà ở của bị cáo C thì thấy: Hành vi đánh bạc của các bị cáo trong vụ án là hành vi bột phát; bị cáo không phải là người chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng để đánh bạc, không rủ rê lôi kéo các bị cáo khác đến đánh bạc, không thu tiền hồ, tiền phé của các con bạc cũng như không thực hiện các hành vi canh giữ, canh giới khác nên bị cáo C không phạm tội “Gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc”. Từ nhận định trên, HĐXX xác định Cáo trạng số: 13/CT-VKSTT ngày 28/02/2023 của VKSND huyện T đã truy tố đối với các bị cáo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là sự xâm phạm trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn là tệ nạn xã hội bị xã hội lên án. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự tương xứng với hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng các bị cáo.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn bởi vì: Các bị cáo sau khi đi ăn cỗ về nhà C uống nước sau đó các bị cáo đều rủ nhau đánh bạc, nhưng không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Do vậy, khi đánh giá vai trò của các bị cáo cần xem xét hành vi, số tiền tham gia đánh bạc... của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo C là chủ nhà và trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo H có số tiền đánh bạc nhiều nhất nên bị cáo C và bị cáo H có vai trò chính trong vụ án rồi mới đến các bị cáo T, H, C, K và Sức có vai trò thấp nhất.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo đều được xác định là người có nhân thân tốt.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo đều nhận thức đầy đủ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo đã phạm tội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng chế tài luật hình sự tương xứng hành vi của các bị cáo mới đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo K sau khi phạm tội biết không thể trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật nên bị cáo đã đến CQĐT đầu thú và bị cáo có bố để tham gia kháng chiến được chứng nhận là thương binh loại A và được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Nguyễn Văn C có bố để được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và Kỷ niệm chương; bị cáo Nguyễn Đức C có bố để được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất; bị cáo Nguyễn Phú H có công thờ cúng liệt sỹ; bị cáo Nguyễn Hoàng H có bố để có tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nên các bị cáo K, C, C, H và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra các bị cáo C, H, T, H, C và K trong thời gian chuẩn bị xét xử các bị cáo đã nộp tiền phạt và tiền án phí để đảm bảo thi hành án nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết trên HĐXX thấy, đối với các bị cáo T, H, C, K và Súc chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho hội; đối với bị cáo C và H không cần thiết phải ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và thấy được sự khoan hồng của pháp luật; ngoài hình phạt chính cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C và H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, có mặt sau in hình hoa văn nhiều màu sắc. Xét thấy, đây là công cụ phạm tội của các bị cáo, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 46.700.000 đồng các bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 1.100.000 đồng do bị cáo H giao nộp CQĐT và số tiền 200.000 đồng do bị cáo C giao nộp cho CQĐT; xét thấy số tiền này bị cáo H và bị cáo C không sử dụng vào mục đích phạm tội và các bị cáo đã nộp xong tiền phạt bổ sung, tiền phạt và án phí nên trả lại bị cáo H và bị cáo C.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phụ H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sức phạm tội “Đánh bạc”.

* Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Hoàng H mỗi bị cáo 25 (hai mươi lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 50 (năm mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung mỗi bị cáo bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo **C** đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004294 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004300 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Giao bị cáo C và bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phụ H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K mỗi bị cáo 25.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo **T** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004299 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004296 ngày 27/3/2023, bị cáo **C** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004295 ngày 27/3/2023, bị cáo **K** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004298 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Sức 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cói và 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, có mặt sau in hình hoa văn nhiều màu sắc. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 46.700.000 đồng. Trả lại bị cáo H 1.100.000 đồng và bị cáo C 200.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2023 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Súc mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo **C** đã nộp đủ 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/0004294 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp đủ 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/0004300 ngày 27/3/2023, bị cáo **T** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004299 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004296 ngày 27/3/2023; bị cáo **C** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004295 ngày 27/3/2023, bị cáo **K** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004298 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Dũng Nguyễn Văn Đức

Phạm Xuân Hà

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 28 tháng 3 năm 2022;

Tại: Trụ sở TAND huyện T, tỉnh B.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Dũng và ông Nguyễn Văn Đức.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1972.
- Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1987.
- Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

- Nguyễn Đức C, sinh năm 1973.
- Nguyễn Phú H, sinh năm 1970.
- Nguyễn Xuân K, sinh năm 1978.

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B.

- Nguyễn Văn Sứ, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Sứ phạm tội “Đánh bạc”. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

2. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Hoàng H mỗi bị cáo 25 (hai mươi lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 50 (năm mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung mỗi bị cáo bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo **C** đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004294 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004300 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Giao bị cáo C và bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K mỗi bị cáo 25.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo **T** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004299 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004296 ngày 27/3/2023, bị cáo **C** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/004295 ngày 27/3/2023, bị cáo **K** đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt theo

biên lai số AA/2021/004298 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Súc 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

8. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, có mặt sau in hình hoa văn nhiều màu sắc. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 46.700.000 đồng. Trả lại bị cáo H 1.100.000 đồng và bị cáo C 200.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2023 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T). *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

9. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú H, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn Súc mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo **C** đã nộp đủ 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/0004294 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp đủ 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/0004300 ngày 27/3/2023, bị cáo **T** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004299 ngày 27/3/2023, bị cáo **H** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004296 ngày 27/3/2023; bị cáo **C** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004295 ngày 27/3/2023, bị cáo **K** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí theo biên lai số AA/2021/004298 ngày 27/3/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Dũng Nguyễn Văn Đức

Phạm Xuân Hà

